

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Số ao, hồ, đầm, phá không được san lấp
60	Cẩm Giàng	10
61	Tuệ Tĩnh	3
62	Kẻ Sặt	16
63	Bình Giang	19
64	Đường An	18
65	Thượng Hồng	14
66	Tứ Kỳ	2
67	Tân Kỳ	10
68	Đại Sơn	4
69	Chí Minh	9
70	Nguyên Giáp	5
71	Gia Lộc	15
72	Yết Kiêu	10
73	Gia Phúc	17
74	Trường Tân	7
75	Ninh Giang	22
76	Vĩnh Lại	10
77	Khúc Thừa Dụ	17
78	Tân An	3
79	Hồng Châu	36
80	Thanh Miện	33
81	Bắc Thanh Miện	30
82	Nam Thanh Miện	27
83	Hải Hưng	20
84	Nguyễn Lương Bằng	21
TỔNG		688

TT	TT theo địa phương	Tên hồ, ao, đầm	Vị trí	Tọa độ		Diện tích (m ²)	Dung tích (nếu có) (m ³)	Lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Chức năng nguồn nước hồ, ao, đầm	Đơn vị quản lý	Nguồn gốc	Nguồn cấp nước cho hồ, ao, đầm
				X(m)	Y(m)							
582	25	Chiều ông Nhân	Khu Vô Hối, xã Thanh Miện	2299241.47	576440.56	8,600	13,760		Tiêu nước và phục vụ sản xuất	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
583	26	Ao đá	Khu Vô Hối, xã Thanh Miện	2299126.28	576082.7	13,148	21,036		Tiêu nước và phục vụ sản xuất	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
584	27	Ao cửa đình	Khu Phụng Hoàng Hạ, xã Thanh Miện	2295394.63	578042.33	228	387		Tiêu nước và phục vụ sản xuất	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
585	28	Ao cửa chùa	Khu Phụng Hoàng Hạ, xã Thanh Miện	2299600.48	578016.53	1,061	1,591		Tiêu nước và phục vụ sản xuất	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
586	29	Ao cửa Đình tư	Khu Phụng Hoàng Hạ, xã Thanh Miện	2299241.8	578173.55	720	1,080		Tiêu nước và phục vụ sản xuất	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
587	30	Đầm cầu mây trên	Khu Phụng Hoàng Hạ, xã Thanh Miện	2299862.61	578102.8	7,200	11,520		Tiêu nước và phục vụ sản xuất	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
588	31	Đầm chiều huyện ủy	Khu Phụng Hoàng Hạ, xã Thanh Miện	2299488.4	577713.27	10,000	17,230		Tiêu nước và phục vụ sản xuất	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
589	32	Ao làng	Khu Triệu Thái, xã Thanh Miện	2298946.2	581210.18	18,242	27,363		Tiêu nước và phục vụ sản xuất	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
590	33	Hồ trung tâm	Khu Phù Nội, xã Thanh Miện	2298481.51	580233.51	10,144	16,230		Trữ nước tưới, tiêu nước	Xí nghiệp KTCTTL Thanh Miện	Tự nhiên	Sông Cửa An
81 XÃ BẮC THANH MIỆN (30)												
591	1	Ao Đình	Kim Trang Đông, xã Bắc Thanh Miện	2302189.127	576711.668	4,574	6,861		Thả cá	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
592	2	Ao Đồng Thệ	Kim Trang Tây, xã Bắc Thanh Miện	2302275.07	576094.23	7,297	10,945.5		Thả cá	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
593	3	Ao Đình	Kim Trang Tây, xã Bắc Thanh Miện	2302010.211	576413.316	1,144	1,716		Điều hòa	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
594	4	Ao Làng vũ	Thôn Thọ Trương, Bắc Thanh Miện	2302068.687	575644.690	5,838	8,757		Tiêu thoát nước	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
595	5	Ao Bờ sữa	Thôn Thọ Trương, Bắc Thanh Miện	2302331.733	575648.607	7,780	11,670		Thả cá	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
596	6	Ao bảy sào	Thôn Thọ Trương, Bắc Thanh Miện	2301786.621	575794.295	8,768	13,152		Thả cá	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
597	7	Ao làng Xóm chùa	Thôn Thọ Trương, Bắc Thanh Miện	2301535.448	575552.501	13,592	20,388		Thả cá	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
598	8	Ao Bến trâu	Thôn Thọ Trương, Bắc Thanh Miện	2301934.187	575596.703	5,031	7,546.5		Thả cá	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm

TT	TT theo địa phương	Tên hồ, ao, đầm	Vị trí	Tọa độ		Diện tích (m ²)	Dung tích (nếu có) (m ³)	Lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Chức năng nguồn nước hồ, ao, đầm	Đơn vị quản lý	Nguồn gốc	Nguồn cấp nước cho hồ, ao, đầm
				X(m)	Y(m)							
599	9	Ao Bến trâu	Thôn Thọ Trương, Bắc Thanh Miện	2301366.036	575740.050	6,428	9,642		Thả cá	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
600	10	Ao Đình Vũ	Thôn Thọ Trương, Bắc Thanh Miện	2302140.621	575625.451	2,865	4,297.5		Thả cá	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
601	11	Ao Trang	Khu Bình Minh cũ, Bắc Thanh Miện	2301567.572	575815.053	10,470	15,705		Thả cá	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
602	12	Ao Đình Cầu	Thôn Thọ Trương, Bắc Thanh Miện	2301337.594	575851.170	5,649	8,473.5		Thả cá	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
603	13	Ao Chằm lác	Thôn Thọ Xuyên, Bắc Thanh Miện	2300239.827	574659.335	5,616	8,424		Điều hòa	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
604	14	Ao Mẫu	Thôn Thọ Xuyên, Bắc Thanh Miện	2300098.843	574592.911	10,734	16,101		Thả cá	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
605	15	Ao của ô Ân	Thôn Thọ Xuyên, Bắc Thanh Miện	2300026.153	574762.408	5,156	7,734		Tiêu thoát nước	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
606	16	Ao trước cửa ông Sơn	Liên Đông, Bắc Thanh Miện	2301936.517	571030.515	10,090	15,135.0		Tiêu thoát nước trong xóm	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
607	17	Ao sau Chùa	Hữu Chung, Bắc Thanh Miện	2301149.632	572151.522	1,500	2,250		Tiêu thoát nước trong xóm	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
608	18	Ao giáp ông Văn	An Sơn, Bắc Thanh Miện	2302285.466	573660.166	12,000	18,000		Tiêu thoát nước trong xóm	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
609	19	Ao trước cửa Đình	An Sơn, Bắc Thanh Miện	2302007.884	573596.980	2,063	3,094.5		Tiêu thoát nước trong xóm	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
610	20	Ao Chùa	thôn Chi Trung, Bắc Thanh Miện	2298545.004	574265.531	5,021	7,531.5		chứa + thoát nước	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
611	21	Ao nhà thờ Thanh Xá	thôn Phỉ Thanh Xá, Bắc Thanh Miện	2298277.486	573874.800	5,572	8,358		chứa + thoát nước	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
612	22	Ao nhà thờ Phương Quan	thôn Phương Quan, Bắc Thanh Miện	2298627.058	573402.580	7,386	11,079		chứa + thoát nước	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
613	23	Ao Mẫu	Thôn Hữu Chung, Bắc Thanh Miện	2301066.479	572115.8967	2,000	4,003		QH ao bơi + ao Chùa	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
614	24	Ao Sen	Thôn An Lâu, Bắc Thanh Miện	2301804.261	572283.8277	1,720	3,562		Đất quốc phòng	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
615	25	Ao Văn Chỉ	Thôn An Lâu, Bắc Thanh Miện	2301868.241	572370.1634	2,750	4,102		QH ao bơi + đất quốc phòng	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
616	26	Ao ông Khu	Thôn An Sơn, Bắc	2302121.658	573395.9953	2,200	3,680		QH ao bơi + tiêu thoát nước	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa,

TT	TT theo địa phương	Tên hồ, ao, đầm	Vị trí	Tọa độ		Diện tích (m ²)	Dung tích (nếu có) (m ³)	Lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Chức năng nguồn nước hồ, ao, đầm	Đơn vị quản lý	Nguồn gốc	Nguồn cấp nước cho hồ, ao, đầm
				X(m)	Y(m)							
			Thanh Miện									nước ngầm
617	27	Ao chùa An Bình	Thôn An Sơn, Bắc Thanh Miện	2302086,5128	573252,0144	1633.8	2,450.7		Chức năng bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
618	28	Ao chùa An Bình	Thôn An Sơn, Bắc Thanh Miện	2302136,6818	573311,1979	757.9	1,136.9		Chức năng bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
619	29	Ao chùa An Bình	Thôn An Sơn, Bắc Thanh Miện	2302167,3489	573263,7429	502.5	753.8		Chức năng bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
620	30	Ao chùa An Bình	Thôn An Sơn, Bắc Thanh Miện	2302168,2572	573283,6054	361.1	541.7		Chức năng bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
82 XÃ NAM THANH MIỆN (27)												
621	1	Ao Mẫu	Thôn Thống Nhất, Xã Nam Thanh Miện	2291048.299	577084.510	6,059	9,088.5		Nuôi thủy sản, Thủy lợi	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
622	2	Ao Bên Nhà thờ Đạo	Thôn My Đồng, Xã Nam Thanh Miện	2288371.56	579483.57	1,643	3,286		Nuôi thủy sản, Thủy lợi	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
623	3	Ao dân quân	Thôn Phù Tài 2, Xã Nam Thanh Miện	2291876.568	578128.192	5,648	9,036.8		Điều hòa nước mặt	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
624	4	Ao cá Bắc Hồ	Thôn Phù Tài 2, Xã Nam Thanh Miện	2291778.122	578177.108	5,391	8,625.6		Điều hòa nước mặt	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
625	5	Ao cửa đình	Thôn Phù Tài 2, Xã Nam Thanh Miện	2291741.541	578341.992	5,787	9,837.9		Điều hòa nước mặt	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
626	6	Ao làng	Thôn Phù Tài 2, Xã Nam Thanh Miện	2291778.057	578411.078	12,107	20,581.9		Điều hòa nước mặt	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
627	7	Ao gà	Thôn Phù Tài 2, Xã Nam Thanh Miện	2291861.096	578464.326	7,337	11,739.2		Điều hòa nước mặt	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
628	8	Ao dài	Thôn Phù Tài 2, Xã Nam Thanh Miện	2292033.694	578397.277	10,900	17,440		Điều hòa nước mặt	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
629	9	Ao cổng chùa	Thôn Phù Tài 1, Xã Nam Thanh Miện	2292116.162	578642.345	2,270	3,405		Điều hòa nước mặt	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
630	10	Ao ông Quân	Thôn Đan Giáp, Xã Nam Thanh Miện	2292042.546	577623.044	6,870	11,679		Điều hòa nước mặt	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
631	11	Ao Hào	Thôn Đan Giáp, Xã Nam Thanh Miện	2292311.818	577755.303	7,149	11,438.4		Điều hòa nước mặt	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
632	12	Ao chùa	Thôn Tiêu Sơn, Xã Nam Thanh Miện	2292686.058	577424.056	8,365	12,547.5		Điều hòa nước mặt	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm
633	13	Ao ông Sến	Thôn Tiêu Sơn, Xã Nam Thanh Miện	2292644.209	577569.25	5,813	8,719.5		Điều hòa nước mặt	UBND xã	Tự nhiên	Nước mưa, nước ngầm